

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN T
TỈNH CÀ MAU

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 306/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 30 – 9 – 2020

“Về tranh chấp ly hôn, nuôi con”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRẦN VĂN THỜI, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Hứa Minh Hải.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Huỳnh Văn Năm

2. Ông Bùi Xuân Minh

- Thư ký phiên toà: Ông Trương Minh Chiến, là Thư ký Toà án nhân dân huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau.

Ngày 30 tháng 9 năm 2020, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 292/2020/TLST-HNGĐ, ngày 29 tháng 4 năm 2020 về việc tranh chấp ly hôn, nuôi con, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 253/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 28 tháng 8 năm 2020, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Bùi Huỳnh Tr, sinh năm: 1990 (xin vắng mặt).

Địa chỉ cư trú: Ấp K N, xã Kh L, huyện T, tỉnh Cà Mau.

- Bị đơn: Anh Trịnh Thanh C, sinh năm: 1986 (vắng mặt).

Địa chỉ cư trú: Ấp K N, xã Kh L, huyện T, tỉnh Cà Mau.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện về việc xin ly hôn ngày 29/4/2020, chị Bùi Huỳnh Tr trình bày:

- Về hôn nhân: Chị và anh Trịnh Thanh C xác lập quan hệ hôn nhân và chung sống vợ chồng vào năm 2011, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Kh L, huyện T, tỉnh Cà Mau. Hôn nhân được xác lập trên tinh thần tự nguyện, có tổ chức hỏi cưới theo phong tục, tập quán và được gia đình hai bên chấp thuận.

Quá trình chung sống, chị Tr cho rằng vợ, chồng luôn bất đồng quan điểm, mỗi người có hành vi ứng xử riêng, không dung hòa và thống nhất được quan điểm với nhau, từ đó mâu thuẫn kéo dài mà không có cách khắc phục nên chị đã ly thân

anh C hơn một năm qua. Do đó, chị xét thấy tình cảm vợ chồng không còn nữa, không thể hàn gắn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh C.

- Về con chung: Chị Tr xác định giữa chị và anh C có 02 người con chung là Trịnh Quốc H, sinh ngày 28/10/2011 và Trịnh Thanh H, sinh ngày 22/4/2014, hiện hai con đang sống chung với chị Tr. Khi ly hôn, chị Tr yêu cầu được tiếp tục nuôi 02 con, yêu cầu anh C cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật đến khi các con đủ 18 tuổi.

Về tài sản chung: Chị Tr xác định không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Chị Tr khai rằng giữa chị và anh C không có nợ ai và không ai nợ lại anh, chị.

* Đối với anh Trịnh Thanh C, mặc dù đã được Tòa án triệu tập nhiều lần đến phiên tòa để tham gia hòa giải và xét xử vụ án thông qua thủ tục niêm yết công khai các văn bản tố tụng nhưng anh C vẫn không có ý kiến phản hồi đồng thời cũng không có mặt để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

[1] Về tố tụng: Về loại việc tranh chấp và thẩm quyền của Tòa án: Tranh chấp giữa chị Tr và anh C là tranh chấp về ly hôn và nuôi con nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân theo quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Đối với việc vắng mặt của anh C: Mặc dù đã được Tòa án triệu tập nhiều lần đến phiên tòa để tham gia hòa giải và xét xử vụ án thông qua thủ tục niêm yết công khai các văn bản tố tụng nhưng anh C vẫn không có ý kiến phản hồi đồng thời cũng không có mặt tại phiên tòa để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng Dân sự tiến hành xét xử vắng mặt anh C theo quy định. Đối với việc đề nghị vắng mặt của chị Tr, Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng Dân sự tiến hành xét xử vắng mặt chị Tr theo quy định.

[2] Về hôn nhân: Chị Bùi Huỳnh Tr và anh Trịnh Thanh C xác lập quan hệ vợ chồng, có tổ chức lễ cưới theo phong tục, tập quán, có đăng ký kết hôn vào năm 2011 và đủ điều kiện kết hôn theo luật định nên hôn nhân được chấp nhận là hợp pháp và được pháp luật công nhận, bảo vệ. Quá trình chung sống, do vợ chồng có nhiều điểm bất đồng trong mối quan hệ kinh tế, dẫn đến tình cảm sứt mẻ, không quan tâm, chăm sóc, cảm thông, chia sẻ lẫn nhau. Xét mâu thuẫn thực tế là có nhiều mâu thuẫn, nhận thấy về mục đích hôn nhân không đạt. Bởi lẽ, trong cuộc sống vợ chồng của anh chị mỗi người đều có cách sống, cách nghĩ khác nhau. Từ đó, giữa vợ chồng đã nhiều lần cãi vã, làm mất lòng tin đối với nhau, mỗi người có cuộc sống và mối quan hệ riêng tư, không quan tâm, giúp đỡ lẫn nhau. Mặt khác, sau khi xảy ra mâu thuẫn, anh chị cũng tự dung hoà để hàn gắn tình cảm vợ, chồng nhưng không có hiệu quả. Vì vậy, anh, chị đã tự sống ly thân gần 02 năm nay.

Thời gian này để cho anh, chị có điều kiện thử thách bản thân, suy ngẫm về cuộc sống vợ, chồng đã qua nhằm tìm cách tháo gỡ, khắc phục khuyết điểm của mỗi bên để vợ, chồng đoàn tụ nhưng không ai có biện pháp gì để khắc phục tình trạng mâu thuẫn và cũng không quan tâm, thăm hỏi, giúp đỡ lẫn nhau. Bên cạnh đó, chị Tr cương quyết ly hôn, nếu không được xem xét thì chị cũng không thể quay lại chung sống với anh C, vì tình cảm không còn và tương lai, hạnh phúc cũng không có. Vì vậy, Hội đồng xét xử chấp nhận cho chị Tr được ly hôn anh C là có căn cứ.

[3] Về con chung: Chị Tr xác định giữa chị và anh C có 02 người con chung là Trịnh Quốc H, sinh ngày 28/10/2011 và Trịnh Thanh H, sinh ngày 22/4/2014, hiện hai con đang sống chung với chị Tr. Khi ly hôn, chị Tr yêu cầu được tiếp tục nuôi 02 con, yêu cầu anh C cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật đến khi các con đủ 18 tuổi. Hội đồng xét xử xét thấy: Tại khoản 2 Điều 81 của Luật hôn nhân và gia đình quy định: ***“Vợ, chồng thỏa thuận về người trực tiếp nuôi con, nghĩa vụ, quyền của mỗi bên sau khi ly hôn đối với con; trường hợp không thỏa thuận được thì Tòa án quyết định giao con cho một bên trực tiếp nuôi căn cứ vào quyền lợi về mọi mặt của con; nếu con từ đủ 07 tuổi trở lên thì phải xem xét nguyện vọng của con”***. Toà án tiến hành ghi ý kiến của cháu H thì nguyện vọng của cháu muốn được sống chung với chị Tr nên tôn trọng nguyện vọng của cháu, tiếp tục giao cháu H cho chị Tr trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp. Đối với cháu H hiện còn nhỏ và do chị Tr đang trực tiếp nuôi dưỡng nên tình cảm của cháu với chị Tr thường ngày gần gũi, thân thiện hơn; môi trường sống của cháu đã ổn định, tình cảm anh em giữa cháu và cháu Quốc H cũng khắn khít hơn nên tiếp tục giao cháu H cho chị Tr trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp.

[4] Về khoản tiền cấp dưỡng nuôi con: Theo khoản 2 Điều 82 của Luật hôn nhân và gia đình thì cha, mẹ không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ cấp dưỡng cho con. Thấy rằng, hiện anh C chưa có công việc và thu nhập ổn định, xét điều kiện thu nhập thực tế của anh C, mức sống, sinh hoạt thường ngày tại địa phương đối với một trẻ và theo tinh thần hướng dẫn tại công văn số: 16/1999/KHXX ngày 01/9/1999 của Tòa án nhân dân tối cao thì mức phí tổn nuôi dưỡng, giáo dục con tối thiểu không dưới $\frac{1}{2}$ mức lương tối thiểu do Nhà nước quy định tại thời điểm xét xử sơ thẩm đối với một người con. Mức lương cơ sở hiện nay do Nhà nước quy định đối với các cơ quan hành chính sự nghiệp là 1.490.000đ. Vì vậy, buộc anh C phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi mỗi người con mỗi tháng 1.000.000đ là có căn cứ.

[5] Về tài sản chung: Chị Tr xác định không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

[6] Về nợ chung: Chị Tr khai rằng giữa chị và anh C không có nợ ai và không ai nợ lại anh, chị nên không đề cập giải quyết.

[7] Án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân và gia đình: Nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội. Án phí dân sự sơ thẩm của người có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con buộc anh C phải

chịu theo quy định tại điểm a khoản 6 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào các Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình;
- Căn cứ khoản 4 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Căn cứ điểm a khoản 5; điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của chị Bùi Huỳnh Tr về việc ly hôn anh Trịnh Thanh C.

2. Về con chung: Tiếp tục giao cháu Trịnh Quốc H, sinh ngày 28/10/2011 và Trịnh Thanh H, sinh ngày 22/4/2014 cho chị Bùi Huỳnh Tr trực tiếp nuôi dưỡng. Buộc anh Trịnh Thanh C có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi cháu Quốc H và cháu Thanh H mỗi tháng 1.000.000đ/1 cháu. Thời hạn cấp dưỡng từ khi bản án có hiệu lực pháp luật đến khi cháu Quốc H và cháu Thanh H đủ 18 tuổi. Anh C không trực tiếp nuôi con vẫn được quyền đến thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung, không ai được cản trở.

Kể từ ngày chị Tr có đơn yêu cầu thi hành án, nếu anh C không tự nguyện thi hành xong khoản tiền cấp dưỡng nuôi con thì hàng tháng còn phải chịu thêm khoản lãi phát sinh theo mức lãi suất được quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành.

3. Về tài sản chung: Chị Tr không đặt ra yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

4. Về nợ chung: Chị Tr khai rằng giữa chị và anh C không có nợ ai và không ai nợ lại anh, chị nên không đề cập giải quyết.

5. Án phí dân sự sơ thẩm về Hôn nhân và gia đình, chị Tr phải chịu 300.000đ. Ngày 29 tháng 4 năm 2020, chị Tr đã nộp tạm ứng án phí 300.000đ theo biên lai số: 3585 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện T, tỉnh Cà Mau được đối trừ chuyển thu.

6. Án phí dân sự sơ thẩm của người có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con buộc anh C phải chịu 300.000đ khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành

án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

7. Quyền kháng cáo: Chị Tr và anh C được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Cà Mau;
- VKSND huyện T;
- Các đương sự;
- UBND xã Kh L, huyện T, tỉnh Cà Mau;
- Lưu: Hồ sơ, văn thư.

Hứa Minh Hải